



diàn nǎo
电 脑

Zhuō zi
桌 子

Shǒu biǎo
手 表

yī fu
衣 服

diàn shì
电 视

Yǐ zi
椅 子

Bēi zi
杯 子



A: zhà kuài shǒu biǎo shì nǐ de ma?
这 块 手 表 是 你 的 吗?

B: bú shì wǒ de. Shì wǒ bà ba de.
不 是 我 的。是 我 爸 爸 的。

A: duō shǎo qián mǎi de?
多 少 钱 买 的?

B: sān qiān duō kuài.
三 千 多 块。